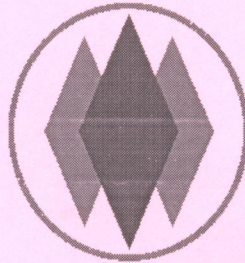


**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**



VNECO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

THÁNG 03 NĂM 2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên tổ chức niêm yết : TỔNG CÔNG TY CP XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
Địa chỉ : Số 234 Nguyễn Văn Linh - Q. Thanh Khê – Tp Đà Nẵng
Mã cổ phiếu : VNE
Năm báo cáo : Năm 2010

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng.

- Quá trình hình thành và chuyển đổi sở hữu:

Tổng công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam là doanh nghiệp cổ phần hóa được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con) theo quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, tên giao dịch viết tắt là VNECO. Từ khi thành lập đến khi cổ phần hóa, Công ty đã trải qua các giai đoạn phát triển như sau:

Từ tháng 2 năm 1988 đến tháng 9 năm 2002:

Công ty Xây lắp điện 3 trực thuộc Bộ Năng lượng được thành lập trên cơ sở hợp nhất hai Công ty là Công ty Xây lắp đường dây và Trạm 3 và Công ty Xây lắp đường dây và Trạm 5.

Từ năm 1994 đến 1997 là Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

Năm 1998, Chính phủ thành lập Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam trực thuộc Bộ Công nghiệp, Công ty Xây lắp điện 3 là Công ty thành viên thuộc Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam.

Từ tháng 10 năm 2002 đến tháng 10 năm 2005:

Theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 862/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2002 và quyết định số 46/2002/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, Công ty Xây lắp điện 3 được tổ chức lại thành Công ty mẹ Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp thí điểm hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Thời kỳ này vốn điều lệ của công ty tăng lên 74,78 tỷ đồng. Công ty hoạt động về Xây dựng điện, xây dựng các công trình công nghiệp dân dụng, sản xuất công nghiệp (cột điện thép mã kẽm, vật liệu xây dựng...), đầu tư phát triển du lịch dịch vụ và đầu tư các dự án Nhà máy sản xuất kết cấu thép mạ kẽm nhúng nóng ... Bên cạnh đó, Công ty tập trung sắp xếp các đơn vị trực

thuộc thành các công ty con là Công ty cổ phần, Công ty TNHH một thành viên, Công ty nhà nước và cũng trong thời gian đó Công ty tiếp tục chuyển các Công ty TNHH một thành viên, Công ty Nhà nước thành các Công ty cổ phần.

Từ tháng 11 năm 2005 đến nay:

Sau khi Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước) đã sắp xếp chuyển đổi các Công ty con trở thành Công ty cổ phần, Công ty Xây lắp điện 3 đã đề nghị Bộ Công nghiệp cho thí điểm cổ phần hoá Công ty mẹ hoạt động theo mô hình Công mẹ - Công ty con cổ phần.

Ngày 11/10/2005 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã có quyết định số 3309/QĐ-BCN về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Xây lắp điện 3 - Công ty mẹ Nhà nước thành Tổng công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam, tên giao dịch viết tắt VNECO.

- Vốn điều lệ của Tổng công ty tháng 11/2005 : 150 tỷ đồng .
- Tháng 02/2007, Tổng công ty tăng vốn điều lệ lên 320 tỷ đồng
- Năm 2008, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án tăng vốn lên 600 tỷ đồng nhưng do tình hình thị trường chứng khoán sụt giảm và suy thoái kinh tế nên không thực hiện được.
- Quý 4 năm 2010, Tổng Công ty đã thực hiện thành công tăng vốn điều lệ từ 320 tỷ đồng lên 637 tỷ đồng.

- Niêm yết:

- Ngày 09/08/2007 cổ phiếu của Tổng công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam được chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh, mã chứng khoán là VNE.
- Ngày 27/10/2010, Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh cấp quyết định số 227/2010/QĐ-SGDHCM V/v Niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm cho Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam với số lượng chứng khoán niêm yết bổ sung là 31.721.061 cổ phiếu.

2 - Quá trình phát triển.

Ngành nghề kinh doanh

- + Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500kV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông thuỷ lợi, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng;
- + Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;

+ Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột điện bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất.

+ Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định các dự án đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế; tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;

+ Sản xuất và kinh doanh điện; Đầu tư nhà máy điện độc lập;

+ Kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất;

+ Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;

+ Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;

+ Cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh;

+ Đầu tư tài chính;

+ Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

Tình hình hoạt động.

VNECO là một trong những nhà thầu hàng đầu trong lĩnh vực Xây dựng điện, Tổng công ty đã được chỉ định thầu, đấu thầu thắng thầu thực hiện xây dựng các công trình điện lớn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) như: Xây dựng hàng ngàn km đường dây tải điện có cấp điện áp từ 110KV đến 500KV; sản xuất chế tạo hàng chục ngàn tấn cột thép mạ kẽm nhúng nóng cung cấp cho ngành điện...vv.

Đầu tư các Nhà máy điện độc lập: VNECO đã tham gia đầu tư và xây dựng Nhà máy Thủy điện Khe Diên tỉnh Quảng Nam với công suất 9 MW đã phát điện vào tháng 05/2007; tham gia xây dựng Công trình Thủy điện Krông H'nh công suất 64 MW đã phát điện tháng 5 năm 2010 (hai dự án trên hiện nay do Công ty cổ phần Sông Ba làm chủ đầu tư, VNECO là cổ đông sáng lập với vốn góp đăng ký ban đầu là 19% tương ứng là 94,5 tỷ đồng, nhưng nay VNECO không còn là cổ đông sáng lập và chỉ đầu tư 6,517 tỷ đồng; đang đầu tư Nhà máy thủy điện Hồi Xuân với công suất khoảng trên 102 MW (Hiện nay VNECO đang góp trên 98% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Hồi Xuân VNECO)...vv.

Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng các cơ sở kinh doanh du lịch dịch vụ: Năm 2006, 2007 đã hoàn thành đầu tư xây dựng khách sạn tiêu chuẩn quốc tế đạt 04 sao đó là Khách sạn Xanh Huế tại số 02 Lê Lợi thành phố Huế với quy mô 199 phòng với đầy đủ các dịch vụ, trên diện tích gần 1,2 ha, tổng mức đầu tư hơn 175 tỷ đồng đã bàn giao cho

Công ty cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO quản lý (VNECO góp 79,11% vốn điều lệ vào Công ty cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO); Tiếp tục triển khai xây dựng khu du lịch cao cấp tại thị trấn Lăng cô, tỉnh TT Huế trên diện tích hơn 8 ha đạt chuẩn 4 sao..vv. Đến nay, trong tổ hợp VNECO đã có hệ thống khách sạn Xanh bao gồm: Khách sạn Xanh Nghệ An quy mô 84 phòng tiêu chuẩn 3 sao (VNECO chiếm 63,50% vốn điều lệ); Khách sạn Xanh Huế 199 phòng đạt chuẩn 4 sao (VNECO chiếm 79,11% vốn điều lệ); Khách Sạn Xanh Đà Nẵng 84 phòng đạt chuẩn 3 sao VNECO sở hữu 100%;...vv

Khai thác và kinh doanh bất động sản, đầu tư cơ sở hạ tầng: Hiện tại VNECO đang hoàn tất các thủ tục sở hữu, các hồ sơ pháp lý liên quan khác một số dự án như: Đầu tư khu cao ốc văn phòng cho thuê VNECO tại Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích dự kiến khoảng 1.106 m² đất; Đang hoàn tất hạ tầng khu đô thị mới Mỹ Thượng tại huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế trên diện tích gần 43,3 ha dự kiến năm 2011 sẽ thu được lợi nhuận; Đầu tư xây dựng Siêu thị Xanh VNECO tại 66 Hoàng Văn Thái, thành phố Đà Nẵng trên diện tích 1,3 ha.

Đầu tư tài chính: Hiện nay VNECO có vốn góp ở 18 Công ty cổ phần là thành viên trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con của VNECO. Tổng số vốn đầu tư của VNECO theo mệnh giá hơn 266 tỷ đồng. Các công ty có vốn góp của VNECO hầu hết là các đơn vị trực thuộc trước đây của VNECO được cổ phần hoá và một số Công ty cổ phần được thành lập mới trong năm 2007 để thực hiện và khai thác các dự án bất động sản và khai thác đầu tư các dự án thủy điện lớn như Thủy điện Hồi Xuân công suất lắp máy hơn 100MW...vv. Ngoài ra VNECO còn có vốn góp ở các Công ty cổ phần khác nằm ngoài tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con với số vốn đầu tư theo mệnh giá hơn 37 tỷ đồng.

*** Năm 2010, kết quả kinh doanh của VNECO và của tổ hợp VNECO đạt được một số chỉ tiêu như sau:**

+ Kết quả kinh doanh của VNECO (đã được kiểm toán):

Doanh thu, thu nhập	: 380,799 tỷ
<u>Trong đó:</u>	
Doanh thu bán hàng và CC DV	: 208,644 tỷ
Doanh thu HĐTC	: 53,689 tỷ
Thu nhập khác	: 118,466 tỷ
Lợi nhuận sau thuế	: 22,822 tỷ
Cổ tức	: 3 %

+ Kết quả kinh doanh hợp nhất của tổ hợp của VNECO (đã được kiểm toán):

Doanh thu, thu nhập	:	485,478 tỷ
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	:	18,74 tỷ

3. Các mục tiêu chủ yếu của Tổng công ty.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc đấu thầu tìm kiếm việc làm trong lĩnh vực xây dựng điện phát huy tối đa ưu thế về ngành nghề truyền thống;

- Đầu tư các nhà máy điện độc lập;

- Đầu tư khai thác các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch;

- Phát triển và khai thác các dự án bất động sản;

- Đầu tư tài chính.

- Bổ sung, hoàn thiện cơ chế quản lý của Tổng công ty phù hợp với tình hình kinh doanh, phát huy tối đa sức mạnh của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con cổ phần.

Các mục tiêu chủ yếu của Tổng công ty nhằm phát triển Tổng công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam trở thành một tổ chức sản xuất kinh doanh đa ngành, với các lĩnh vực chủ yếu: Xây dựng điện (Tổng thầu các dự án nguồn điện, lưới điện, sản xuất các sản phẩm phục vụ xây dựng điện, Đầu tư kinh doanh nhà máy điện độc lập); kinh doanh bất động sản, Bất động sản du lịch, phát triển kinh doanh dịch vụ - du lịch; Đầu tư tài chính (chủ yếu là đầu tư tài chính vào các công ty trong tổ hợp VNECO). Phấn đấu mức tăng trưởng nhanh và bền vững cho cả tổ hợp Công ty mẹ - con; hoàn thành nghĩa vụ đối với nhà nước; nâng cao mức cổ tức hàng năm cho các cổ đông, tối đa hoá tài sản của cổ đông, giải quyết việc làm, thường xuyên cải thiện điều kiện làm việc và tăng thu nhập cho người lao động.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1- Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch):

a. Số liệu của Tổng công ty đã được kiểm toán.

- Tổng doanh thu và thu nhập năm 2010: 380,799 tỷ đồng thực hiện đạt 41,18% kế hoạch và giảm 48,71 % so với năm 2009.

- Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2010 là: 22,822 tỷ đồng đạt 20,4% kế hoạch.

b. Số liệu hợp nhất (số liệu hợp nhất đã được kiểm toán).

- Tổng doanh thu và thu nhập: 485,478 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2010 của cổ đông Công ty mẹ là: 18,741 tỷ đồng.

2- Tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2010.

Với tình hình kinh tế, thị trường diễn biến bất thường gây nhiều khó khăn cho hoạt động kinh doanh của VNECO, để duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, VNECO tiếp tục thực hiện chính sách phát triển ổn định và bền vững trên các lĩnh vực kinh doanh chính mà VNECO đã thực hiện, đồng thời tìm kiếm các cơ hội đẩy mạnh một số ngành nghề mà VNECO đã xác định sẽ phát triển đảm bảo cho mục tiêu xây dựng Tổng công ty trở thành một tổ chức sản xuất kinh doanh đa ngành, với các lĩnh vực chủ yếu: Xây dựng điện (Tổng thầu các dự án nguồn điện, lưới điện, sản xuất các sản phẩm phục vụ xây dựng điện, Đầu tư kinh doanh nhà máy điện độc lập); kinh doanh bất động sản, Bất động sản du lịch, phát triển kinh doanh dịch vụ - du lịch; Đầu tư tài chính (chủ yếu là đầu tư tài chính vào các công ty trong tổ hợp VNECO). Các hoạt động chính được tập trung phát triển bao gồm:

- Tiếp tục đẩy mạnh việc đấu thầu tìm kiếm việc làm trong lĩnh vực xây dựng điện, phát huy tối đa ưu thế về ngành nghề truyền thống trong cả tổ hợp, đặc biệt quan tâm theo dõi để tổ chức tốt công tác đấu thầu, thắng thầu những công trình lớn thuộc dự án phát triển lưới điện của ngành điện;

- Đầu tư các nhà máy điện độc lập mà trước hết tập trung vào dự án Thủy điện Hồi Xuân đảm bảo phần đầu đưa nhà máy phát điện vào năm 2013.

- Phát triển và khai thác các dự án bất động sản; Bất động sản du lịch;
- Đầu tư khai thác các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Đầu tư tài chính (chủ yếu đầu tư ở các công ty thành viên trong tổ hợp).

*** Về kết quả kinh doanh của Tổng công ty năm 2010 theo các lĩnh vực:**

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	: 208,644 tỷ
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt	: 3,983 tỷ
Doanh thu thu nhập khác	: 118,466 tỷ
Lợi nhuận khác	: 23,889 tỷ

*** Kết quả kinh doanh của Tổng công ty và các công ty con (số liệu hợp nhất):**

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	: 306,910 tỷ
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt	: (9,971) tỷ
Doanh thu thu nhập khác	: 120,035 tỷ
Lợi nhuận khác	: 32,231 tỷ

a/ Hoạt động xây lắp các công trình điện:

VNECO tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình để kịp thời chỉ đạo ban điều hành tập trung thi công các công trình trọng điểm và đã hoàn thành, đóng điện bàn giao đáp ứng được yêu cầu của các Chủ đầu tư trong năm 2010 như: TBA 500 kV Ô - Môn, TBA 500kV Quảng Ninh - Thường Tín, TBA 220kV Phan Thiết, Đz220kV Hàm Thuận - Phan Thiết, Đz 220kV Ô Môn - Thốt Nốt, Đz 220kV Bản Lả - Vinh, Đz 220kV Đồng Hới - Huế, Đz 500kV Sơn La - Hòa Bình - Nho Quan, ĐZ 220kV Đồng Nai 3 - Đắc Nông....

Tổng Công ty đã trực tiếp theo dõi các thông tin về công tác đấu thầu để phối hợp với các đơn vị thành viên và trực tiếp tham gia đấu thầu các gói thầu. Một số đơn vị đã tích cực chủ động tìm kiếm việc làm, đồng thời phối hợp và trúng một số công trình với tổng giá trị khoảng 362,770 tỷ đồng.

Tuy nhiên, kết quả đạt được của VNECO trong năm 2010 chưa được cao, nguyên nhân do vướng mắc công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, việc cung cấp vật tư thiết bị, phê duyệt bản vẽ thi công của Chủ đầu tư rất chậm, một số công trình kéo dài nhiều năm nên hiệu quả không cao. Mặt khác việc thu hồi vốn từ chủ đầu tư rất chậm, nhiều dự án dự kiến triển khai trong năm 2010 không triển khai được hoặc chậm triển khai nên VNECO không tham gia hoặc tham gia nhưng chưa có doanh thu. Một số công trình dự kiến đấu thầu nhưng hoãn hoặc lùi đến cuối năm.

b/ Đầu tư, phát triển các dự án bất động sản du lịch và khai thác các cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ, du lịch đã có:

Tiếp tục đẩy mạnh tiếp thị, hợp tác với các cơ sở kinh doanh du lịch cũng như các tập đoàn du lịch lớn của thế giới nhằm quảng bá giới thiệu Khách sạn Xanh Huế tại số 02 Lê Lợi thành phố Huế với quy mô 199 phòng với đầy đủ các dịch vụ đạt tiêu chuẩn quốc tế 4 sao, trên diện tích gần 1,2ha (VNECO góp vốn 79,11% vốn điều lệ) nhằm từng bước tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

VNECO triển khai xây dựng dự án Khu du lịch sinh thái Lăng cô với diện tích hơn 8ha đạt chuẩn 4 sao.

Tiếp tục triển khai thi công các hạng mục tiếp theo của dự án siêu thị GreenMark với diện tích sàn hơn 8.000 m² và mua thêm 3 lô đất tiếp giáp phía tây bắc để mở rộng mặt bằng kinh doanh của siêu thị.

Cuối năm 2010, VNECO đã hoàn tất việc sở hữu 100% Khách sạn Xanh Đà Nẵng nhằm củng cố phát triển lĩnh vực kinh doanh Khách sạn, dịch vụ và nâng cao giá trị thương mại của Dự án siêu thị Green Mark và Khách sạn Xanh Đà Nẵng.

Các dự án kinh doanh khách sạn của VNECO đa phần mới hoàn thành đầu tư bắt đầu đi vào khai thác nên bước đầu kết quả kinh doanh bị lỗ làm tăng khoản lỗ cho Tổng công ty trong năm 2008, 2009 và năm 2010. VNECO sẽ đẩy mạnh công tác tiếp thị, quảng bá thương hiệu Green Hotel, đưa ra nhiều phương án hợp tác kinh doanh và dự kiến sẽ đem lại hiệu quả nhất định và tăng dần vào các năm tiếp theo.

c/ Phát triển và khai thác các dự án bất động sản.

Thực hiện định hướng phát triển, giai đoạn 2010-2015, năm 2010 Tổng Công ty tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đầu tư từ các năm trước chuyển qua, cụ thể như sau:

- Hoàn thành việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Xây lắp điện 3, đường Nguyễn Chánh, Hoà Khánh, TP Đà Nẵng, diện tích 25.005 m² cho các nhà đầu tư và bàn giao cơ sở hạ tầng cho UBND quận Liên Chiểu.

- Dự án đầu tư khu đô thị mới Mỹ Thượng, tỉnh Thừa Thiên Huế với diện tích 43,3 ha, tiến độ thực hiện chậm do vướng mắc đền bù giải phóng mặt bằng và phải thu xếp vốn, đến tháng 8/2010 mới tiếp tục triển khai thi công xây lắp các hạng mục san nền, làm đường giao thông, hệ thống thoát nước, cấp điện. Hiện nay, VNECO đang tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công, chuẩn bị xây căn hộ mẫu và quảng bá giới thiệu sản phẩm và dự kiến năm 2011 sẽ có doanh thu và đem lại khoản lợi nhuận lớn cho Tổng công ty.

- Tiếp tục xúc tiến để triển khai khai thác quỹ đất mà Tổng Công ty và các đơn vị trong tổ hợp đang sở hữu như tại công ty VNECO 2, công ty VNECO 4, công ty VNECO 8, Cty CP DL Xanh Nghệ An VNECO . . .

3- Kế hoạch hoạt động kinh doanh và kế hoạch tài chính trong năm 2011.

3.1- Kế hoạch kinh doanh và đầu tư:

Bước sang năm 2011 tình hình kinh tế thế giới vẫn còn những chuyển biến phức tạp, khó khăn khó lường như thiên tai, sự biến đổi khí hậu toàn cầu, tình hình chiến sự ở một số nước làm cho giá dầu và giá nhiều kim loại tăng cao, nước ta đang đối mặt với nhiều khó khăn như lạm phát, lãi suất ngân hàng tăng cao, giá cả một số mặt hàng thiết yếu: xăng, dầu, điện, nước... tăng cao. Các Chủ đầu tư đang gặp khó khăn về nguồn vốn thanh toán, công tác đền bù giải phóng mặt bằng của Chủ đầu tư còn chậm đã làm cho VNECO đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức.

a/ Lĩnh vực Xây dựng điện, sản xuất công nghiệp và dịch vụ:

VNECO tiếp tục tập trung chỉ đạo thi công các công trình trọng điểm để đóng điện vào năm 2011 như: ĐZ 220 kV Ô Môn - Sóc Trăng (hoàn thành tháng 4/2011), ĐZ 500 kV Sơn La - Hiệp Hòa (hoàn thành tháng 11/2011), ĐZ 500 kV Phú Mỹ - Sông

Mây (hoàn thành tháng 11/2011), ĐZ 500 kV Vĩnh Tân – Sông Mây hoàn thành theo tiến độ yêu cầu của Chủ đầu tư. Trong đó lưu ý nhất là TBA 500kV Thạnh Mỹ có tiến độ căng thẳng hoàn thành tháng 7/2011 để truyền tải điện cho khu vực miền Trung.

Mở rộng ngành nghề SXKD trong đó chú trọng việc gia tăng giá trị doanh thu trong thị trường viễn thông, giao thông, thủy lợi, xây dựng dân dụng, công nghiệp chú trọng gia công các sản phẩm cơ khí nhất là các sản phẩm cơ khí thủy công. Thực hiện chỉ đạo thống nhất công tác tiếp thị, đấu thầu trong toàn Tổng Công ty, ưu tiên các dự án vay vốn nước ngoài như WB, ADB, JICA phân đấu để các đơn vị trong tổ hợp có việc làm đồng đều và liên tục trên cả 3 lĩnh vực Xây lắp, Dịch vụ - Du lịch, Sản xuất Công nghiệp.

Đối với công tác xây lắp, SXCN theo dõi để tham gia đấu thầu các dự án lớn của ngành điện Việt Nam, như: Thi công xây lắp và SXCN của các ĐZ 500kV Quảng Ninh – Hiệp Hòa (139,1 km 2 mạch tháng 6/2011), Duyên Hải – Trà Vinh (150 km 2 mạch tháng 12/2011), nhất là Pleiku – Mỹ Phước – Cầu Bông (600 km 1 mạch tháng 8/2011); Các TBA 500kV Cầu Bông (tháng 8/2011); Mỹ Tho (tháng 10/2011), Vĩnh Tân (tháng 7/2011);... Các ĐZ và TBA 220 kV theo sơ đồ giai đoạn VI... trong đó lưu ý ĐZ 220kV Thanh Hóa – Vinh (147 km tháng 8/2011), Vũng Áng – Hà Tĩnh (70 km 2 mạch tháng 8/2011), Vĩnh Tân – Phan Thiết (92 km 2 mạch tháng 8/2011), Phan Thiết – Bà Rịa (144 km 2 mạch tháng 12/2011)...

b/ Lĩnh vực đầu tư Bất động sản:

Năm 2011, Tổng công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện các hồ sơ pháp lý về các dự án, và tùy theo tình hình cụ thể HĐQT sẽ quyết định đầu tư phát triển một số dự án đảm bảo hiệu quả cao trong tương lai và một số dự án sẽ hiện thực hoá lợi nhuận cho năm tài chính 2011 để đảm bảo vốn phục vụ kinh doanh cũng như cải thiện tình hình tài chính hiện nay của Tổng công ty.

Các dự án mà Tổng công ty và một số công ty con đang sở hữu hoặc đang hoàn tất các thủ tục để sở hữu: Dự án cao ốc 277 Bến Bình Đông Quận 8, TP HCM, diện tích 5.466 m² (VNECO chiếm 70,05%); Dự án cao ốc văn phòng VNECO đường Nguyễn Thị Minh Khai Quận 1 thành phố HCM diện tích khoảng 1.106 m²; Dự án khu đô thị mới Mỹ Thượng tại Xã Phú Thượng, Huyện Phú Vang, tỉnh TT Huế với diện tích hơn 43.30 ha VNECO đang gấp rút hoàn thành hạ tầng và dự kiến năm 2011 sẽ bắt đầu đem lại doanh thu và lợi nhuận từ dự án cho VNECO; Dự án xây dựng Siêu thị Xanh tại 66 Hoàng Văn Thái, thành phố Đà Nẵng diện tích hơn 1,3 ha..vv.

c/ Đầu tư các dự án thủy điện:

Dự án thủy điện Thủy điện Hồi Xuân công suất lắp máy 102Mw Tổng công ty đã góp vốn vào Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện Hồi Xuân VNECO với tỷ lệ 98,46% đã hoàn thành thủ tục đầu tư, thiết kế kỹ thuật, tiến hành đền bù giải phóng mặt bằng, thi

công đường vận hành, xây dựng trạm biến áp 35/0,4kV cấp điện cho khu vực thi công, tìm kiếm nhà tài trợ và ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại xuất nhập khẩu Trùng Khánh của Trung Quốc để hỗ trợ vốn cho dự án và sẽ đẩy mạnh thi công trong năm 2011-2012.

d/ Đầu tư tài chính:

Thực hiện cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết theo nguyên tắc: những công ty kinh doanh có nhiều triển vọng tốt, chủ lực trong hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, những ngành chiến lược... thì tăng tỷ lệ vốn của Tổng công ty trong vốn điều lệ; Những công ty kinh doanh kém hiệu quả, không có nhiều triển vọng thì thoái vốn đầu tư. Việc tăng, giảm tỷ lệ vốn đầu tư của Tổng công ty tại các công ty thành viên trong tổ hợp thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời cũng thực hiện đầu tư tài chính linh hoạt vào các Công ty niêm yết trên sàn ngoài tổ hợp có giá trị lợi nhuận cao.

Việc chuyển nhượng vốn đầu tư trên nhằm sử dụng linh hoạt và có hiệu quả nguồn vốn, tăng nguồn trả nợ vay, giảm áp lực tài chính cho Tổng công ty, mặt khác nhằm tập trung nguồn lực đảm bảo đủ mạnh để thực hiện các công trình điện lớn của ngành điện, là ngành nghề truyền thống và chủ đạo của tổ hợp VNECO.

3.2- Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Tổng công ty đạt mục tiêu xây dựng phát triển để trở thành một tổ chức sản xuất kinh doanh đa ngành, với các lĩnh vực chủ yếu: Xây dựng điện (Tổng thầu các dự án nguồn điện, lưới điện, sản xuất các sản phẩm phục vụ xây dựng điện, Đầu tư kinh doanh nhà máy điện độc lập); kinh doanh bất động sản, Bất động sản du lịch, phát triển kinh doanh dịch vụ - du lịch; Đầu tư tài chính (chủ yếu là đầu tư tài chính vào các công ty trong tổ hợp VNECO). Phần đầu mức tăng trưởng nhanh và bền vững cho cả tổ hợp Công ty mẹ - con; hoàn thành nghĩa vụ đối với nhà nước; nâng cao mức cổ tức hàng năm cho các cổ đông, tối đa hoá tài sản của cổ đông, giải quyết việc làm, thường xuyên cải thiện điều kiện làm việc và tăng thu nhập cho người lao động.

Năm 2008, lạm phát tăng cao làm cho giá cả đầu vào nguyên nhiên vật liệu tăng đột biến và bên cạnh đó thị trường tài chính có những biến động bất ngờ đã làm cho việc huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và mở rộng đầu tư gặp rất nhiều khó khăn. Với bối cảnh đó, Tổng công ty đặt ra mục tiêu hành động cần trọng nhằm duy trì hoạt động hiệu quả các lĩnh vực kinh doanh hạn chế rủi ro. Năm 2009, Tổng công ty cũng đã từng bước ổn định được tình hình sản xuất kinh doanh và cũng đã đạt được hiệu quả

tương đối trên một số mặt. Năm 2010, Tổng Công ty đã thực hiện phát hành tăng vốn điều lệ thành công từ 320 tỷ đồng lên 637 tỷ đồng, đồng thời thoái vốn dự án đầu tư khu phức hợp cao tầng tại Thị xã Tân Túc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Để đảm bảo vượt qua khó khăn và từng bước xây dựng Tổng công ty phát triển năm 2011 Tổng công ty sẽ tập trung một số công việc chính như sau:

Hoạt động Xây dựng điện, sản xuất công nghiệp: Tiếp tục đẩy mạnh việc đấu thầu tìm kiếm việc làm trong lĩnh vực xây dựng điện phát huy tối đa ưu thế về ngành nghề truyền thống trong cả tổ hợp và đặc biệt quan tâm theo dõi thường xuyên để giành các dự án ngành điện lớn; Thực hành chương trình tiết kiệm giảm thiểu các chi phí một cách hợp lý tăng hiệu quả cho hoạt động kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh du lịch - dịch vụ: Đối với các cơ sở đã hoàn thành đi vào khai thác Tổng công ty sẽ đẩy mạnh công tác quảng bá thương hiệu GREEN HOTEL, tăng chất lượng phục vụ các dịch vụ du lịch làm hài lòng khách hàng phấn đấu đạt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đề ra để làm tiền đề cho các năm tiếp theo. Đối với các dự án đang triển khai sẽ kết hợp với việc quảng bá thương hiệu, tìm kiếm đối tác để khi đi vào hoạt động có thể đã đảm bảo được doanh thu và có hiệu quả ngay hoặc có thể xem xét hợp tác với các đơn vị chuyên ngành để khai thác hiệu quả dự án ngay từ đầu.

Hoạt động bất động sản:

Đối với các dự án chưa hoàn thành thủ tục đầu tư: Tiếp tục hoàn thiện các hồ sơ về quyền sở hữu dự án và hoàn thành các thủ tục đầu tư cần thiết khác.

Lựa chọn các dự án có hiệu quả kinh tế để tiếp tục đầu tư có trọng điểm, các dự án này có phải có khả năng thu lợi lớn và tạo nên nguồn thu nhập ổn định cho Tổng công ty trong tương lai.

Xem xét để tiếp tục hiện thực hoá lợi nhuận một số dự án trong năm 2011 để bảo đảm nguồn vốn phát triển các dự án và giảm thiểu các rủi ro.

Đầu tư các dự án Thủy điện:

Tiếp tục tìm kiếm nguồn vốn để đầu tư dự án dở dang như Thủy điện Hồi Xuân; đảm bảo huy động đủ vốn nhằm đáp ứng tiến độ đầu tư đưa nhà máy phát điện vào năm 2013.

Đầu tư tài chính:

Hiện nay, vốn đầu tư của VNECO vào các Công ty con, Công ty liên kết là 266,215 tỷ đồng đều phản ánh theo mệnh giá. Năm 2011, VNECO sẽ tiếp tục chỉ đạo người đại diện vốn của VNECO tại các đơn vị xúc tiến thực hiện niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán nhằm quảng bá thương hiệu và cũng là kênh huy động vốn cho các đơn vị trong hoạt động kinh doanh cũng như đầu tư và việc niêm yết cổ phiếu họ VNE trên sàn chứng khoán sẽ giúp cho VNECO sử dụng linh hoạt và hiệu quả hơn số vốn của

mình. Tăng cường công tác quản trị tại các đơn vị trong tổ hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị đảm bảo cho hoạt động đầu tư tài chính của VNECO có hiệu quả.

*** Các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch năm 2011 của VNECO:**

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2011	Ghi chú
PHẦN I- HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CQ CTY			
I	DOANH THU TIÊU THỤ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ	602.144.000.000	
1	Xây lắp xây dựng điện	402.144.000.000	
2	Xây dựng Thủy điện Hồi Xuân và CT khác	85.000.000.000	
3	Bất động sản	110.000.000.000	
4	Dịch vụ khách sạn	5.000.000.000	
II	CHI PHÍ GIÁ VỐN HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ TIÊU THỤ	459.265.200.000	
1	Xây lắp xây dựng điện	321.715.200.000	
2	Xây dựng Thủy điện Hồi Xuân và CT khác	63.750.000.000	
3	Bất động sản	69.300.000.000	
4	Dịch vụ khách sạn	4.500.000.000	
A	LỢI NHUẬN THUẦN TỪ KD HH, DV (I-II)	142.878.800.000	
I	DOANH THU TÀI CHÍNH	16.516.822.016	
	+ Từ lãi tiền gửi không và có kỳ hạn	8.426.732.000	
	+ Từ cổ tức độc chia năm	6.918.810.800	
	+ Lãi đầu tư chứng khoán (thoái vốn tại các đơn vị và ĐTTC khác)	1.171.279.216	
II	CHI PHÍ TÀI CHÍNH	56.844.224.165	
	<i>Trong đó: + Chi phí lãi vay vốn PV KD</i>	6.325.408.770	
	+ Chi phí tài chính khác (dự phòng ĐT...)	-	
	+ Chi phí tài chính khác (Hoàn nhập dự phòng ĐT-...)	(2.200.184.605)	
	+ ĐC giảm CP tài chính do (Thu xếp vốn cho các ĐV)	(7.281.000.000)	
	Vốn vay trái phiếu phục vụ kinh doanh (10,15%/năm)	315.013.842.271	
	Vốn vay dài hạn phục vụ kinh doanh (18%/năm)	140.841.687.663	
	Vốn vay lưu động phục vụ kinh doanh (18%/năm)	50.000.000.000	
	Vòng quay vốn LĐ BQ của HĐ XL, SXCN		
	Tỷ lệ chi phí lãi vay bình quân trên vốn huy động BQ (%/năm)	13,10%	
B	LỢI NHUẬN TỪ HĐ TÀI CHÍNH (I-II)	(40.327.402.149)	
I	DOANH THU KHÁC	1.400.000.000	
II	CHI PHÍ KHÁC	900.000.000	
C	THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC (I-II)	500.000.000	
D	CHI PHÍ BÁN HÀNG (TIÊU THỤ)	451.608.000	
E	CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	19.268.608.000	

	Tỷ lệ chi phí QLDN trên doanh thu	3,200	
F	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (A+B+C-D-E)	83.331.181.851	
G	THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP	19.103.092.763	
H	LỢI NHUẬN SAU THUẾ TỪ HĐKD (F-G)	64.228.089.088	
PHẦN II- LỢI NHUẬN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN			
I	LỢI NHUẬN SAU THUẾ (PHẦN I-H)	64.228.089.088	
II	CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ LỢI NHUẬN SAU THUẾ	-	
III	LỢI NHUẬN SAU THUẾ PHÂN PHỐI QUỸ VÀ CHIA CỔ TỨC (I-II)	64.228.089.088	
1	VỐN ĐIỀU LỆ	637.210.610.000	
2	VỐN ĐIỀU LỆ CHIA CỔ TỨC TRONG NĂM	627.421.410.000	Số cổ phiếu quỹ
3	CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH (TRỪ 978.920 CP QUỸ)	62.742.141	978.920 CP
4	THU NHẬP TRÊN MỘT CỔ PHIẾU (EPS)	1.024	
VI	CỔ TỨC CHIA NĂM 2011 (SỐ KẾ HOẠCH)_(%)	10	

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1- Báo cáo tình hình tài chính của VNECO:

a. Các chỉ tiêu tài chính của VNECO:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	67,10	66,75
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	32,90	33,25
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	76,57	60,67
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng N. vốn	%	23,43	39,33
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,47	3,72
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,67	3,97
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)			
	- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	4,82	1,37
	- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	23,73	10,94
	- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	20,59	3,49
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ	320	637,210
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	393,001	654,460
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành	cp	32.000.000	63.721.061
	toàn bộ số cổ phiếu của Tổng công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông. Trong đó: cổ phiếu quỹ là		278.920	978.920
8	Trái phiếu không chuyển đổi (5 năm)	tỷ	500	500

b- Kết quả hoạt động kinh doanh của VNECO:

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2009	Thực hiện năm 2010
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	341.015.387.885	209.020.076.523
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	36.526.681	375.617.000
3	D.thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	340.978.861.204	208.644.459.523
4	Giá vốn hàng bán	306.593.062.051	164.767.597.369
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	34.385.799.153	43.876.862.154
6	Doanh thu hoạt động tài chính	40.330.017.678	53.688.637.654
7	Chi phí tài chính	71.249.761.356	73.756.603.255
8	Chi phí bán hàng	707.070.497	64.090.910
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.669.543.247	19.761.687.255
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động k. doanh	(16.910.558.269)	3.983.118.388
11	Thu nhập khác	361.134.951.382	118.465.711.670
12	Chi phí khác	249.249.174.456	94.576.298.462
13	Lợi nhuận khác	111.885.776.926	23.889.413.208
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	94.975.218.657	27.872.531.596
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	14.049.607.898	5.050.572.274
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập d. nghiệp	80.925.610.759	22.821.959.322
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,551.16	573,23
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	2.000	300

2- Báo cáo tình hình tài chính của tổ hợp VNECO:

a. Các chỉ tiêu tài chính của tổ hợp VNECO:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn / Tổng số tài sản	%	38,07	40,86
	- Tài sản ngắn hạn / Tổng số tài sản	%	61,93	59,14
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	75,93	60,65
	- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	20,40	39,35
3	Khả năng thanh toán			

	- Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,75	2,68
	- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,98	2,95
	Tỷ suất lợi nhuận			
4	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	4,47	1,03
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	17,22	6,11
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	%	21,92	2,90

b- Kết quả hoạt động kinh doanh của tổ hợp VNECO:

TT	Chỉ tiêu	2009	2010
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	509.422.010.749	307.285.411.465
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	36.526.681	375.617.000
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	509.385.484.068	306.909.794.465
4	Giá vốn hàng bán	441.966.735.465	241.783.296.019
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	67.418.748.603	65.126.498.446
6	Doanh thu hoạt động tài chính	28.438.317.019	58.533.870.279
7	Chi phí tài chính	89.199.982.175	87.359.813.545
8	Chi phí bán hàng	2.108.632.729	1.760.512.381
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.619.213.600	44.539.340.643
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(28.070.762.882)	(9.999.297.844)
11	Thu nhập khác	403.418.986.556	120.034.600.461
12	Chi phí khác	274.598.786.275	87.803.290.725
13	Lợi nhuận khác	128.820.200.281	32.231.309.736
14	Lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết	10.262.378.138	1.489.110.552
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	111.011.815.537	23.721.122.444

16.1	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.191.975.742	7.426.581.578
16.2	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(1.013.567.868)
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	93.819.839.795	17.308.108.734
17.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số	6.088.984.166	(1.405.486.676)
17.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty Mẹ	87.730.855.629	18.713.595.410
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.772,31	470,73
19	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Mục tiêu chung:

Phát triển Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam trở thành một tổ chức sản xuất kinh doanh đa ngành, với các lĩnh vực chủ yếu: Xây dựng điện (Tổng thầu các dự án nguồn điện, lưới điện, sản xuất các sản phẩm phục vụ xây dựng điện, Đầu tư kinh doanh nhà máy điện độc lập); kinh doanh bất động sản, Bất động sản du lịch, phát triển kinh doanh dịch vụ - du lịch; Đầu tư tài chính (chủ yếu là đầu tư tài chính vào các công ty trong tổ hợp VNECO). Phần đầu đạt mức tăng trưởng nhanh và bền vững cho cả Tổ hợp Công ty Mẹ - Công ty Con; hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà Nước; nâng cao mức cổ tức hàng năm cho các cổ đông; giải quyết việc làm, thường xuyên cải thiện điều kiện làm việc và tăng thu nhập cho Người lao động.

Phát huy những thành quả đạt được trong những năm qua, tiếp tục hoàn thiện một số cơ chế quản lý của Tổng công ty phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới nhằm phát huy loại hình Công ty cổ phần trong Tổ hợp mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con cổ phần. Tiếp tục thực hiện 3 chương trình lớn của Tổng công ty đề ra: Chương trình hiện đại hoá doanh nghiệp; Chương trình nâng cao chất lượng công trình và sản phẩm hàng hoá, dịch vụ; Chương trình thực hiện tiết kiệm và chống lãng phí. Cụ thể trong năm 2011 cần thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- a. Đẩy mạnh công tác tiếp thị, đấu thầu trên cả 3 lĩnh vực: Xây lắp, Sản xuất công nghiệp; Dịch vụ - Du lịch để đảm bảo doanh thu trong năm 2011 và những năm tiếp theo. Phát triển thị trường xây lắp điện, sản xuất kết cấu thép mạ kẽm chiếm lĩnh thị trường trong nước và xuất khẩu ra các nước trong khu vực; xúc tiến mạnh mẽ kinh doanh du lịch và lữ hành Quốc tế; triển khai kinh doanh điện năng và bất động sản.

- b. Thực hiện cơ cấu nguồn vốn linh hoạt, tìm kiếm các nguồn tài chính đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là đáp ứng nhu cầu nguồn vốn để đầu tư các dự án thủy điện, dự án cơ sở hạ tầng, v.v... Xúc tiến để đưa cổ phiếu của một số Công ty thành viên lên sàn giao dịch chứng khoán, nhằm tạo kênh huy động vốn chủ yếu cho cả Tổ hợp trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- c. Tiếp tục công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên; tiếp tục hoàn chỉnh một số quy chế hoạt động trên một số lĩnh vực phù hợp với loại hình Công ty cổ phần trong Tổ hợp mô hình Công ty Mẹ - Công ty Con cổ phần.
- d. Tiếp tục đầu tư các dự án dở dang như: Dự án Green Mart, Khu đô thị Phú Mỹ Thượng; triển khai thi công các dự án như: Thủy điện Hồi Xuân, Khu du lịch Lăng Cô; Triển khai đầu tư các dự án cao ốc, văn phòng cho thuê có hiệu quả tại Khu vực Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... nếu xét thấy hiệu quả;
- e. Tiếp tục đầu tư tại Tổng công ty và một số đơn vị về trang thiết bị xe máy, dụng cụ thi công chuyên ngành xây lắp đường dây và trạm, xây dựng công trình thủy điện, cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao tỷ lệ cơ giới hoá trong thi công. Phân đấu xây dựng Tổng công ty trở thành đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp hệ thống lưới điện và phát triển mạnh lĩnh vực xây lắp thủy điện, xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- f. Thực hành tiết kiệm trong sản xuất, tiêu dùng nhằm nâng cao hiệu quả SXKD của Tổng công ty; củng cố khối đoàn kết từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên, nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch 2011.
- g. Nâng cao khả năng cạnh tranh, phát huy tối đa hiệu quả nguồn lực hiện có, đồng thời tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài (như liên doanh góp vốn, v.v...), sử dụng mọi nguồn vốn cho đầu tư phát triển đủ sức để cạnh tranh trong bối cảnh nước ta đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại Quốc tế (WTO). Nghiên cứu để sớm hình thành Công ty đầu tư và dịch vụ tài chính trong Tổ hợp VNECO.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP:

** Giải pháp về công tác thu hồi vốn, điều hành và thị trường:*

- Tập trung chỉ đạo thi công các công trình đã trúng thầu đảm bảo đúng tiến độ của Chủ đầu tư tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh; thực hiện chỉ đạo thống nhất công tác tiếp thị đấu thầu trong toàn tổ hợp đặc biệt theo dõi sát sao để đấu thầu giành các dự án xây dựng hệ thống truyền tải điện lớn sắp sửa triển khai của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, phấn đấu tất cả các đơn vị trong tổ hợp đều có việc làm đồng đều trên các lĩnh vực Xây dựng, xây lắp, sản xuất công nghiệp, dịch vụ du lịch;

- Đẩy mạnh công tác nghiệm thu, công tác quyết toán công trình, thực hiện tốt công tác thu hồi vốn, nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng vốn lưu động, phục vụ kịp thời nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh đặc biệt đối với hoạt động xây lắp. Đây là công việc hết sức quan trọng, đặc biệt đối với tình hình hiện nay, thành lập tổ thu hồi vốn bao gồm các chuyên viên giỏi phối hợp với các bộ phận chuyên môn do Tổng Giám đốc trực tiếp điều hành. Đồng thời nghiên cứu tìm kiếm các giải pháp thu hồi vốn, xử lý dứt điểm các vấn đề vướng mắc.

- Cũng cố và tăng cường công tác tổ chức bộ máy quản lý, nhân sự ở văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị thành viên trong tổ hợp, tạo lập sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa các bộ phận quản lý và sự hợp tác có hiệu quả giữa Tổng Công ty với các đơn vị thành viên cũng như giữa các thành viên trong tổ hợp Tổng Công ty;

- Điều chỉnh một số quy chế quản lý, quản trị nhân sự phù hợp với tình hình mới, đặc biệt quy chế lương, quy chế tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực cho Tổng Công ty và tổ hợp đảm bảo thu hút người tài và người lao động có tay nghề cao, ổn định.

*** Giải pháp về đầu tư các dự án:**

Tổng công ty sẽ tiếp tục đầu tư trên cả 3 lĩnh vực là: Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập; đầu tư các dự án cơ sở kinh doanh khách sạn, dịch vụ; đầu tư các dự án bất động sản. Tuy nhiên, sẽ kiểm tra, rà soát lại các dự án để xác định thời hạn và mục đích đầu tư hợp lý, bảo đảm việc đầu tư dự án đạt hiệu quả.

Tập trung hoàn thành phần xây lắp hạ tầng, chi trả đền bù, tiến hành xây dựng nhà mẫu khu đô thị mới Mỹ Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế dự kiến 161 tỷ, làm tốt công tác tiếp thị để đưa sản phẩm ra thị trường trong năm 2011. Các dự án siêu thị Green Mark, Khu du lịch sinh thái Lăng Cô cần đối vốn tiến hành xây dựng tiếp. Ngoài ra cần xúc tiến một số dự án khác để chuẩn bị cho các năm sau. Nhu cầu vốn trong năm 2011, dự kiến nguồn vốn các dự án là **220,3 tỷ** (không kể dự án Thủy điện Hồi Xuân).

*** Giải pháp về tài chính kế toán:**

Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục chỉ đạo người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị có vốn góp của VNECO (các đơn vị thành viên trong tổ hợp VNECO) thúc đẩy việc niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán để quảng bá thương hiệu VNECO, tăng cường sự giám sát các hoạt động tại các đơn vị, bảo đảm cho các đơn vị chủ động trong việc huy động vốn, huy động các nguồn lực bên ngoài tổ hợp nhằm phục vụ tốt hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư.

Đồng thời thực hiện cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng vốn.

*** Giải pháp về quản lý kỹ thuật:**

Thay đổi công tác quản lý kỹ thuật và giám sát chất lượng công trình; Tổ chức vận hành công tác kiểm soát tiến độ và chất lượng theo quy trình mới; Tăng cường công tác an toàn, bảo hộ lao động và tổ chức sát hạch. Để ngăn chặn tình trạng làm ẩu, làm kém chất lượng sẽ tiến hành ban hành qui trình giám sát và nghiệm thu riêng trong Tổng Công ty, kiên quyết xử lý những đơn vị hoặc cá nhân vi phạm quy định về công tác an toàn. Đặc biệt các đơn vị thi công kém chất lượng làm ảnh hưởng đến uy tín của Tổng công ty sẽ bớt khối lượng thi công hoặc không được tham gia thi công các dự án do Tổng công ty làm tổng thầu.

*** Giải pháp về cơ chế:**

Xây dựng và sửa đổi một số Quy chế quản lý của Tổng Công ty cho phù hợp với quy định của Điều lệ, Quy chế quản trị Tổng Công ty. Cùng cố tăng cường bộ máy quản lý, nhân sự ở Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Tiếp tục thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ cho CBCNV, kiến thức quản trị doanh nghiệp cho đội ngũ cán bộ chủ chốt đáp ứng yêu cầu phát triển của Tổng Công ty.

Xây dựng cơ chế trả lương và đãi ngộ khác đối với người lao động cho phù hợp với điều kiện hoạt động kinh doanh và trên thị trường lao động, nâng cao năng suất lao động và thực hiện chính sách khuyến khích đối với người lao động nhằm tạo điều kiện tiếp nhận, bổ sung lực lượng lao động trẻ, có trình độ năng lực nghề nghiệp vào các vị trí công việc ở các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng Công ty.

IV . BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán. (Báo cáo tài chính của Tổng công ty được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

- Ý kiến của Kiểm toán độc lập:

Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC) sau khi tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con trong tổ hợp VNECO cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2010 được thực hiện theo các quy định của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và hệ thống kế toán Việt Nam.

+ Ý kiến của Kiểm toán về báo cáo tài chính của Tổng Công ty như sau:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam tại ngày 31/12/2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan".

+ Ý kiến của kiểm toán về báo cáo hợp nhất của Tổ hợp VNECO:

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan".

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:

1. Các Công ty có vốn góp của VNECO:

- Các công ty do VNECO nắm giữ trên 50% vốn điều lệ:

TT	Tên Công ty	Địa chỉ văn phòng	Vốn điều lệ thực góp đến 31/12/2010 (triệu đồng)	Tỷ lệ vốn đã góp của Tổng cty đến 31/12/2010 (%)
1	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	Thành phố Vinh - Nghệ An	13.197,10	52,93%
2	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Thành phố Vinh - Nghệ An	9.046,63	47,91%
3	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Buôn Mê Thuột - Đắk Lắk	12.000,00	43,72%
4	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Đồng Hới - Quảng Bình	12.000,00	65,73%
5	Công ty CP Tư vấn & Xây dựng VNECO	Quận Hải Châu - Đà Nẵng	8.384,75	60,85%
6	Công ty CP Đầu tư & Xây dựng điện MÊCA .VNECO	Huyện Nhà Bè - Tp.HCM	90.075,00	70,05%
7	Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	Thành phố Huế - TT Huế	59.900,00	79,11%
8	Công ty Cổ Phần Du Lịch Xanh Nghệ An VNECO	Thành phố Vinh - Nghệ An	21.868,02	63,50%
9	Công ty CP Đầu tư và thương mại VNECO Huế	Huyện Phú Vang, TT Huế		

10	Công ty CP Đầu tư và XD điện Hồi Xuân VNECO	Huyện Hoàng Hóa, Thanh Hóa	65.003,42	98,46%
----	---	----------------------------	-----------	--------

- Các Công ty do VNECO có vốn góp dưới 50% vốn điều lệ:

TT	Tên công ty	Địa chỉ văn phòng	Vốn điều lệ thực góp đến 31/12/2010 (triệu đồng)	Tỷ lệ vốn đã góp của Tổng cty đến 31/12/2010 (%)
1	Công ty CP xây dựng điện VNECO 2	Thành phố Vinh - Nghệ An	5.854,10	31,45%
2	Công ty CP xây dựng điện VNECO 5	Thị xã Đông Hà - Quảng Trị	4.050,00	30,00%
3	Công ty CP xây dựng điện VNECO 6	Quận Liên Chiểu - Đà Nẵng	9.142,17	37,74%
4	Công ty CP xây dựng điện VNECO 7	Thành phố Pleiku - Gia Lai	9.560,00	31,16%
5	Công ty CP xây dựng điện VNECO 10	TP Quy Nhơn - Bình Định	3.000,00	30,05%
6	Công ty CP xây dựng điện VNECO 11	Quận Hải Châu - Đà Nẵng	16.682,05	47,66%

- Các Công ty do VNECO đầu tư dài hạn khác:

TT	Tên công ty	Địa chỉ văn phòng	Vốn điều lệ VNECO thực góp đến 31/12/2010 (triệu đồng)
1	Công ty CP xây dựng điện VNECO 1	Quận Liên Chiểu - Đà Nẵng	704,90
2	Công ty CP xây dựng điện VNECO 9	TP Nha Trang - Khánh Hoà	3.146,90
3	Công ty cổ phần Sông Ba	Quận Hải Châu - Đà Nẵng	6.517,00
4	Công ty cổ phần Thủy điện Sông Chồ	TP Nha Trang - Khánh Hoà	3.695,52
5	Công ty CP chế tạo KC Thép Thành Long - VINECO	TP. Hồ Chí Minh	27.000,00
6	Công ty CP Chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM	Khu CN Hòa Khánh - Đà Nẵng	4.122,92

2. Một số chỉ tiêu chính về hoạt động của các công ty có liên quan:

✓ Báo cáo các chỉ tiêu tài chính của các Công ty con:

✓✓ Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO 3:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	26,39	21,80
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	73,61	78,20
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	27,55	33,60
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng N. vốn	%	72,45	66,40
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,27	2,31
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,74	2,51
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)			
	- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	8,64	6,89
	- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	12,68	11,43
	- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	11,93	10,37
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ	13,19	13,19
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	16,08	16,23
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành	1.000	1.319,71	1.319,71
	toàn bộ số cổ phiếu của công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông.			

▼▼ Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO 4:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	19,80	15,65
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	80,20	84,35
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	60,74	61,09
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng N. vốn	%	39,26	38,91
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,10	1,31
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,40	1,44
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)			
	- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	7,93	8,48
	- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	14,27	8,98
	- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	20,20	21,80
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ	8,22	9,05
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	13,54	14,06

7	Số lượng chứng khoán đã phát hành toàn bộ số cổ phiếu của công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông.	1.000	822,421	904,66
---	--	-------	---------	--------

▼▼ Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO 8:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	39,41	32,81
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	60,59	67,19
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	62,77	66,70
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng N. vốn	%	37,23	33,30
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,65	0,79
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,30	1,22
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)			
	- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	4,54	4,17
	- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,11	4,95
	- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	12,20	24,10
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ	11,31	12,00
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	13,29	12,72
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành toàn bộ số cổ phiếu của công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông.	1.000	1.130,8	1.200,00

▼▼ Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO 12:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	26,74	21,59
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	73,26	78,41
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	63,95	56,46
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng N. vốn	%	36,05	43,54
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,88	1,07
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,21	1,45
	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)			

4	- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	5,72	4,87
	- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,54	5,44
	- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	15,87	11,18
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ	12,00	12,00
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	12,64	14,24
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành toàn bộ số cổ phiếu của công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông.	1.000	1.200,00	1.200,00

▼▼ Công ty cổ phần Tư Vấn và Xây dựng VNECO:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	19,72	11,80
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	80,28	88,20
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	87,89	84,51
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng N. vốn	%	12,11	15,49
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,64	0,80
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,97	1,09
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)			
	- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	1,97	1,16
	- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,15	1,88
	- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	16,25	7,47
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ	8,38	8,38
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	3,12	3,36
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành toàn bộ số cổ phiếu của công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông.	1.000	838,48	838,48

▼▼ Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA VNECO:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	65,36	87,85
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	34,64	12,15
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	61,47	52,45

	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng N. vốn	%	38,53	47,55
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,31	0,22
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,56	0,23
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)			
	- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	5,22	(2,20)
	- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	32,44	(20,28)
	- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	13,55	(4,63)
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ	90,075	90,075
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	107,63	101,30
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành toàn bộ số cổ phiếu của công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông.	1.000	9.007,50	9.007,50

▼▼ Công ty cổ phần Du lịch Xanh Nghệ An VNECO:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	97,84	95,98
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	2,16	4,02
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	23,03	31,09
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng N. vốn	%	76,97	68,91
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,14	0,31
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,21	0,39
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)			
	- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	(2,69)	(16,80)
	- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	(10,35)	(51,99)
	- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	(3,49)	(24,39)
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ	21,87	21,87
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	19,26	18,26
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành toàn bộ số cổ phiếu của công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông.	1.000	2.186,80	2.186,80

▼▼ Công ty cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010
----	----------	-----	------	------

1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	% %	92,92 7,08	92,41 7,59
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng N. vốn	% %	83,03 16,97	89,44 10,56
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần Lần	0,19 0,26	0,15 0,20
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN) - TSLN sau thuế/Tổng tài sản - TSLN sau thuế/Doanh thu thuần - TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	% % %	(5,76) (21,28) (33,95)	(7,09) (23,29) (67,15)
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ	59,90	59,90
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	28,154	16,846
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành toàn bộ số cổ phiếu của công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông.	1.000	5.990,00	5.990,00

✓✓ Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng điện Hội Xuân VNECO:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	% %	88,88 11,12	73,79 26,21
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng N. vốn	% %	44,17 55,83	38,15 61,85
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần Lần	0,25 0,25	0,69 0,69
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN) - TSLN sau thuế/Tổng tài sản - TSLN sau thuế/Doanh thu thuần - TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	% % %	0,15 2,85 0,27	0,07 4,84 0,12
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ	11,45	65,35
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	11,47	65,46
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành	1.000		

	toàn bộ số cổ phiếu của công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông.			
--	--	--	--	--

✓ Báo cáo các chỉ tiêu tài chính của các Công ty liên kết:

✓✓ Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO 2:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	% %	19,97 80,03	14,11 85,89
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng N. vốn	% %	39,84 60,16	40,65 59,35
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần Lần	1,63 2,03	1,67 2,13
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN) - TSLN sau thuế/Tổng tài sản - TSLN sau thuế/Doanh thu thuần - TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	% % %	8,57 19,63 14,25	5,02 13,58 8,46
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ	18,61	18,61
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	21,95	22,18
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành toàn bộ số cổ phiếu của công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông.	1.000	1.861,14	1.861,14

✓✓ Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO 5:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	% %	8,44 91,56	6,60 93,40
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng N. vốn	% %	66,72 33,28	72,48 27,52
3	Khả năng thanh toán - Khả năng thanh toán nhanh - Khả năng thanh toán hiện hành	Lần Lần	0,71 1,37	0,75 1,29
	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)			

4	- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	3,75	1,77
	- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,81	3,01
	- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	11,27	6,45
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ	13,50	13,50
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	16,56	15,80
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành toàn bộ số cổ phiếu của công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông.	1.000	1.350,00	1.350,00

▼▼ Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO 10:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	18,93	16,27
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	81,07	83,73
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	65,16	59,62
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng N. vốn	%	34,84	40,38
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,85	1,02
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,30	1,45
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)			
	- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	5,99	4,84
	- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,99	5,22
	- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	17,19	11,99
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ	9,99	9,99
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	12,98	14,75
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành toàn bộ số cổ phiếu của công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông.	1.000	998,45	998,45

▼▼ Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO 11:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2009	2010
1	Cơ cấu tài sản			
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	23,04	18,38
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	76,96	81,62
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	99,51	97,87

	- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng N. vốn	%	0,49	2,13
3	Khả năng thanh toán			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,46	0,51
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,90	0,95
4	Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)			
	- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	1,22	1,54
	- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,91	2,02
	- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	250,50	72,24
5	Những thay đổi về vốn cổ đông	tỷ	35,00	35,00
6	Vốn chủ sở hữu (tại thời điểm 31/12)	tỷ	0,33	1,19
7	Số lượng chứng khoán đã phát hành toàn bộ số cổ phiếu của công ty phát hành đều là cổ phiếu phổ thông.	1.000	3.500,00	3.500,00

▼ Báo cáo các chỉ tiêu kết quả kinh doanh các Công ty con và Công ty liên kết năm 2010:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Đơn vị	Chỉ tiêu	Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Doanh thu thu nhập khác	Lợi nhuận khác	Lợi nhuận sau thuế TNDN
	▼▼ Công ty con							
1	Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 3		14,719	4,474	1,866	0,403	0,377	1,683
2	Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4		34,113	7,513	2,683	1,484	1,403	3,065
3	Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8		32,122	7,620	2,165	0,000	(0,030)	1,591
4	Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12		29,276	5,395	1,751	0,103	0,068	1,591
5	Công ty CP Tư vấn Xây dựng VNECO		13,350	3,011	(0,636)	1,624	0,888	0,251
6	Công ty CP Đầu tư và xây dựng Điện MÊCA VNECO		23,113	(3,527)	(12,678)	24,105	7,991	(4,688)
7	Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO		48,569	4,215	(11,398)	0,094	0,087	(11,311)
8	Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO		7,262	0,459	(1,337)	0,013	(2,439)	(3,375)
9	Công ty CP đầu tư và xây dựng điện Hồi Xuân VNECO		1,555	0,305	0,101	0,061	-	0,075

	▼▼ Công ty liên kết						
1	Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 2	13,819	5,387	1,691	1,074	0,811	1,877
2	Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 5	33,820	5,629	0,523	0,837	0,821	1,019
3	Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 10	33,846	6,262	2,116	0,265	0,242	1,768
4	Công ty CP Xây dựng VNECO 11	42,321	6,205	1,446	1,402	(0,590)	0,856

3. Tổng công ty có trên 50% vốn cổ phần / Vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ:

(Không có).

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:

1- Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty:

- **Cơ cấu tổ chức:** Tổng công ty hoạt động dưới hình thức mô hình Công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ của Tổng công ty.

- Tổng công ty có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc:

* Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty.

* Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Tổng công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

* Ban giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng công ty và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy chế phân cấp của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2- Bản tóm tắt lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc:

2.1. Hội Đồng Quản Trị:

- Ông Đoàn Đức Hồng – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10/6/1963

Nơi sinh: Nghĩa Ninh, Đồng Hới, Quảng Bình

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Vinh Hải, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế

Địa chỉ thường trú: Số 26, đường Trần Tổng, Thành phố Đà Nẵng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế công nghiệp; Cao cấp chính trị.

Quá trình công tác :

Từ 3/1986 - 2/1998 Cán bộ, Phó phòng, Trưởng phòng Kinh tế Dự toán Cty Xây lắp điện 3

Từ 3/1998 - 6/1998 Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Xây lắp điện 3

Từ 7/1998 - 3/1999 Phó Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3

Từ 4/1999 - 9/2002 Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3

Từ 10/2002 - 1/2005 Tổng Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3 - Bộ Công nghiệp

Từ 12/2005 đến nay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

- Ông Nguyễn Trọng Bình – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 15/5/1955

Nơi sinh: Quảng Hòa, Quảng Trạch, Quảng Bình

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quảng Hòa, Quảng Trạch, Quảng Bình

Địa chỉ thường trú: 106 Hàm Nghi, Thành phố Đà Nẵng

Trình độ văn hoá: 10/10.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo máy; Cao cấp chính trị.

Quá trình công tác

Từ 5/1975- 7/1977 Đi bộ đội

Từ 9/1978-9/1983 Sinh viên Đại học Bách khoa Đà Nẵng

Từ 10/1983-12/1984 Cán bộ kỹ thuật Công ty Xây lắp đường dây và trạm III

Từ 01/1985- 4/1988 Phó phòng, Trưởng phòng Vật tư Công ty Xây lắp đường dây và trạm III

Từ 5/1988- 7/1994 Phó Giám đốc Xí nghiệp sản xuất vật liệu và Xây dựng điện Đông Hà

Từ 8/1994 - 11/1998 Giám đốc Xí nghiệp sản xuất vật liệu và Xây dựng điện Đông Hà

Từ 12/1998- 9/2002 Phó Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3

Từ 10/2002- 11/2005 Phó Tổng Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước)- Bộ Công nghiệp

Từ 12/2005 đến nay Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

- Ông Nguyễn Thành Đồng – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/10/1950

Nơi sinh: Phúc Thọ, Nghi Lộc, Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Phúc Thọ, Nghi Lộc, Nghệ An

Địa chỉ thường trú: 96 Thanh Thủy, Thành phố Đà Nẵng

Trình độ văn hoá: 10/10.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế lao động; Cao cấp chính trị.

Quá trình công tác

Từ 5/1968- 5/1971 Học nghề ở Liên Xô

Từ 6/1971-12/1971 Công nhân Nhà máy điện Yên Phụ- Hà Nội

Từ 01/1972-12/1979 Công tác tại Nhà máy điện Ninh Bình- Hà Nam Ninh

Từ 01/1980- 7/1986 Học tại trường Đại học Công đoàn Matxcova, Liên Xô

Từ 8/1986- 4/1988 Chuyên trách công đoàn Cty Xây lắp đường dây và trạm V

Từ 5/1988 - 12/1989 Phó thư ký Công đoàn Công ty Xây lắp điện 3

Từ 01/1990 - 3/1999 Chủ tịch Công đoàn Công ty Xây lắp điện 3

Từ 04/1999- 9/2002 Phó Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3

Từ 10/2002- 11/2005 Phó Tổng Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3 - Bộ Công nghiệp

Từ 12/2005 đến 10/2010 Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Từ tháng 11/2010 đã nghỉ hưu.

- Ông Phan Anh Quang – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 04/9/1974

Nơi sinh: Thanh Long, Thanh Chương, Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thanh Long, Thanh Chương, Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Hoà Minh, Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

Trình độ văn hoá: 10/10.

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán

Quá trình công tác

Từ 3/1997 - 11/2005 CB, Phó phòng Tài chính kế toán, Công ty Xây lắp điện 3

Từ 12/2005 - 8/2006 Phó phòng Tài chính kế toán, Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Từ 9/2006 đến nay Trưởng phòng TCKT, Kế toán trưởng Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

- Ông Nguyễn Đạu Thảo – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 24/4/1958

Nơi sinh : Đà Sơn, Đô Lương, Nghệ An

Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, Nghệ An

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế năng lượng điện; Cao cấp chính trị.

Quá trình công tác

Từ 1/1983- 3/1990 Cán bộ phòng Kế hoạch Công ty Xây lắp điện Nghệ Tĩnh

Từ 4/1990 - 9/1994 Trưởng phòng Kế hoạch Xí nghiệp Xây dựng điện và Vật tư, Công ty Xây lắp điện 3

Từ 10/1994 - 10/1997 Phó Giám đốc XN XD điện và Vật tư, Cty Xây lắp điện 3

Từ 11/1997 - 5/2003 Giám đốc XN XD điện và Vật tư, Công ty Xây lắp điện 3

Từ 6/2003 - 10/2004 Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3.2, Công ty Xây lắp điện 3

Từ 11/2004 đến nay Chủ tịch HĐQT, G.đốc Cty CP Xây dựng điện VNECO 2.

- Ông Phan Tất Trung – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/5/1954

Nơi sinh: Hoa Thành, Yên Thành, Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh

CMND: 201587347 ngày cấp 07/11/2006, nơi cấp: CA Đà Nẵng

Địa chỉ thường trú: Hòa Minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng

Điện thoại liên lạc: 0511 3764105

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật Kinh tế, Cao cấp lý luận chính trị

Quá trình công tác

Từ 5/1972 - 5/1976

Đi bộ đội

Từ 6/19/76 - 6/1979	Học nghề ở Liên Xô (cũ)
Từ 7/1979 - 12/1983	Bí thư Đoàn Công ty Xây lắp đường dây và Trạm V
Từ 01/1984 - 01/1988	Chánh văn phòng Đảng ủy Công ty Xây lắp đường dây và trạm V
Từ 02/1988 - 7/1995	Chánh văn phòng Đảng ủy Công ty Xây lắp điện 3
Từ 8/1995 – 11/2005	Trưởng phòng Tổ chức Lao động và Thanh tra Công ty Xây lắp điện 3
Từ 12/2005 đến nay	Trưởng phòng Tổ chức Nhân sự và Đào tạo Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP Xây dựng Điện Việt Nam

- Ông Thái Văn Chấn – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 11/11/1961

Nơi sinh: Làng Ngọc Lâm- xã Đức lâm- huyện Đức Thọ- tỉnh Hà Tĩnh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

CMND số: 186305388 cấp ngày 10/06/2003 tại Công an Nghệ An;

Quê quán: Làng Ngọc Lâm- xã Đức lâm- huyện Đức Thọ- tỉnh Hà Tĩnh

Hộ khẩu thường trú: Phường Hưng Bình- thành phố Vinh- Nghệ An.

Địa chỉ thường trú: Lô 4- BT4- KĐT Đông Bắc Ga, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Số điện thoại liên lạc cơ quan: 037 3713676 di động: 0168 7893333

Trình độ văn hóa: Đại học chuyên nghiệp

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện- ngành Hệ thống điện

Trình độ lý luận: Cao cấp lý luận chính trị,

Quá trình công tác:

Từ 11/1985- 04/1988	Cán bộ kỹ thuật xây lắp điện- Công ty xây lắp đường dây và trạm 5
Từ 05/1988- 05/1995	Cán bộ kỹ thuật xây lắp điện- Công ty xây lắp điện 3
Từ 06/1995- 04/1999	Phó Giám đốc Xí nghiệp Bê tông li tâm và xây dựng điện Quy Nhơn- Công ty xây lắp điện 3
Từ 05/1999- 10/2005	Giám đốc Công ty xây lắp điện 3.10- Công ty xây lắp điện 3.
Từ 10/2005- 03/2007	Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc Công ty cổ

	phần xây dựng điện VNECO 10- Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam
Từ 04/2007- 05/2010	Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Hôi Xuân VNECO: Chuyên trách quản lý đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Hôi Xuân, tỉnh Thanh Hóa và chuẩn bị sản xuất kinh doanh

Chức vụ công tác hiện nay:

- Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng điện Hôi Xuân VNECO;
- Thành viên HĐQT Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

2.2. Ban Giám đốc điều hành

Ông Đoàn Đức Hồng – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

(Lý lịch xem mục danh sách thành viên HĐQT)

Ông Nguyễn Trọng Bình – Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc

(Lý lịch xem mục danh sách thành viên HĐQT)

Ông Nguyễn Thành Đồng - Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc

(Lý lịch xem mục danh sách thành viên HĐQT) Nghỉ hưu từ ngày 07/10/2010

Ông Trần Văn Huy - Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1965

Nơi sinh: Ân Phú, Đức Thọ, Hà Tĩnh

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Ân Phú, Đức Thọ, Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: phường Hạ Thuận Tây, Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Trình độ văn hoá: 12/12.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế; Cao cấp chính trị.

Quá trình công tác

Từ 7/1987 - 2/1988 Cán bộ giảng dạy khoa kinh tế - Đại học Huế

Từ 3/1988 - 10/1994 Cán bộ kinh tế dự toán, phòng Kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3

Từ 11/1994- 11/1995 Phó phòng Kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3

Từ 12/1995 - 8/1999 Phó chánh Văn phòng, Chánh văn phòng Công ty Xây lắp điện 3

Từ 9/1999 - 11/2005 Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty Xây lắp điện 3

Từ 12/2005 - 12/2006 Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

Từ 01/2007 đến nay Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty.

Ông Ngô Văn Cường - Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 30/05/1974

Nơi sinh: Tân Dĩnh, Lạng Giang, Bắc Giang

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tân Dĩnh, Lạng Giang, Bắc Giang

Địa chỉ thường trú: Tổ 50, P. An Khê, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Trình độ văn hoá: 12/12.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Hệ thống điện.

Quá trình công tác

Từ 8/1997- 6/1999: Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3

Từ 7/1999- 11/2002: Phó phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3

Từ 12/2002- 11/2005: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3

Từ 12/2005-9/2009: Trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

Từ 10/2009 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Ông Nguyễn Tịnh - Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/05/1974

Nơi sinh: Lộc Điền, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Lộc Điền, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế

Địa chỉ thường trú: 14 Nguyễn Gia Thiều, Thạc Gián, Thanh Khê, Đà Nẵng

Trình độ văn hoá: 12/12.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng.

Quá trình công tác:

Từ 8/1997- 10/2002: Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
Từ 11/2002- 10/2003: Phó phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
Từ 11/2003- 3/2004: Phó ban Quản lý các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3
Từ 4/2004- 11/2005: Trưởng ban QL các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3
Từ 12/2005-9/2009: Trưởng ban QL các dự án đầu tư Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Từ 10/2009 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

3- Thay đổi ban Tổng giám đốc điều hành trong năm: Ngày 07/10/2010, có 1 Phó Tổng giám đốc nghỉ hưu theo chế độ. Như vậy đến thời điểm ngày 31/12/2010 ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động của Tổng Công ty còn lại 5 người.

4- Số lượng cán bộ , nhân viên và chính sách đối với người lao động:

- Tổng số cán bộ công nhân viên của VNECO đến thời điểm 31/12/2010 là 88 người.
- Tổng công ty đã ban hành quy chế trả lương thưởng cho cán bộ nhân viên.
- Thu nhập bình quân đạt 5.200.000 đồng/người/tháng.
- Tổng Công ty đã thực hiện tốt mọi chính sách theo quy định của Nhà nước đối với người lao động như: Ký hợp đồng lao động; thực hiện đóng đầy đủ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động; khám sức khỏe định kỳ..vv.

5- Thay đổi Thành viên HĐQT, Chủ tịch, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:

Đại hội đồng cổ đông lần đầu tổ chức vào ngày 25/11/2005 đã bầu Hội đồng quản trị Tổng Công ty gồm 07 thành viên, ban kiểm soát 3 thành viên nhiệm kỳ 5 năm. Tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2007, tổ chức vào ngày 29/01/2007 đã miễn nhiệm 01 thành viên hội đồng quản trị, 01 thành viên ban kiểm soát và bầu bổ sung 01 thành viên hội đồng quản trị, 01 thành viên ban kiểm soát. Trong 7 thành viên HĐQT có 4 thành viên giữ các chức vụ quản lý Tổng Công ty, Chủ tịch HĐQT đồng thời là Tổng Giám đốc, có 03 thành viên độc lập (không kiêm các chức vụ quản lý tại Tổng Công ty), ngày 01/01/2007 bổ nhiệm 01 phó Tổng Giám đốc Tổng công ty. Ngày 09/01/2009, 01 thành viên ban kiểm soát từ nhiệm. Ngày 09/04/2009 có 1 thành viên HĐQT từ nhiệm. Tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên 2009, tổ chức vào ngày 27/05/2009, có 1 thành viên HĐQT từ nhiệm và bầu bổ sung 1 thành viên Ban kiểm soát. Vậy đến hết ngày 27/05/2009, thành viên HĐQT của Tổng Công ty còn lại 5 thành viên, trong đó có 4 thành viên giữ các chức vụ quản lý Tổng công ty, Chủ tịch HĐQT đồng thời là Tổng Giám đốc, có 1 thành

viên độc lập (không kiêm các chức vụ quản lý tại Tổng Công ty) và Ban kiểm soát còn lại 3 thành viên. Ngày 25/05/2010, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 của Tổng Công ty bầu bổ sung 2 thành viên HĐQT, đến thời điểm 31/12/2010 tổng số thành viên HĐQT là 7 thành viên, trong đó có 3 thành viên giữ các chức vụ quản lý Tổng Công ty, Chủ tịch HĐQT đồng thời là Tổng Giám đốc, có 4 thành viên độc lập.

VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1- Hội đồng quản trị/ Chủ tịch và Ban kiểm soát.

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát đến thời điểm 31/12/2010:

Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam bao gồm 07 thành viên trong đó có 04 thành viên độc lập không điều hành:

- * Ông: Đoàn Đức Hồng : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- * Ông: Nguyễn Trọng Bình : Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
- * Ông: Nguyễn Thành Đồng : Thành viên HĐQT - Độc lập không điều hành
- * Ông: Phan Anh Quang : Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng
- * Ông: Nguyễn Đậu Thảo : Thành viên HĐQT - Độc lập không điều hành
- * Ông: Phan Tất Trung : Thành viên HĐQT - Độc lập không điều hành (bổ nhiệm ngày 25/05/2010).
- * Ông: Thái Văn Chân : Thành viên HĐQT - Độc lập không điều hành (bổ nhiệm ngày 25/05/2010).

Ban kiểm soát Tổng công ty gồm 03 thành viên:

- * Ông: Hồ Bá Thân : Trưởng ban kiểm soát (từ nhiệm ngày 25/05/2010)
- * Ông: Đào Hữu Chuộng : Trưởng ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 25/05/2010)
- * Ông: Lê Thanh Nhã : Thành viên ban kiểm soát
- * Bà: Thái Thị Thùy Trang : Thành viên ban kiểm soát

- Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm, HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp với các nội dung chủ yếu như sau: thông qua nội dung các báo cáo trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2010; triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2010, quyết định thoái vốn hợp tác đầu tư dự án phức hợp tại thị trấn Tân Túc- TP Hồ Chí Minh, cử người đại diện phần vốn VNECO tại các công ty thành viên; thông qua báo cáo kết quả SXKD quý, 6 tháng, 9 tháng; các nội dung khác liên quan đến hoạt động SXKD v.v. HĐQT đã ban hành các

ng nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT và phê chuẩn các đề nghị của ban điều hành liên quan đến các lĩnh vực hoạt động thuộc công tác quản trị Tổng Công ty.

- Hoạt động của Ban Tổng giám đốc điều hành:

Ban Tổng giám đốc có 06 thành viên (01 Tổng Giám đốc, 05 Phó Tổng Giám đốc), đứng đầu là Tổng giám đốc. Đến thời điểm ngày 07/10/2010, có 01 Phó Tổng Giám đốc nghỉ hưu theo chế độ. Như vậy Ban Tổng Giám đốc còn lại 05 thành viên. Trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm, Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện các quyết định của HĐQT, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đã đạt được một số hiệu quả như đã trình bày ở phần kết quả hoạt động kinh doanh.

- Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2010, ban kiểm soát tiến hành các hoạt động sau:

- Tổ chức họp, bầu trưởng ban kiểm soát, phân công trách nhiệm thực hiện cụ thể cho các thành viên trong Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm soát nhiệm kỳ 2010-2015 vào tháng 05/2010.

- Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý. Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Tổng Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

- Tham gia các buổi họp của HĐQT, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông với HĐQT, Ban Tổng giám đốc.

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính sáu tháng, năm của Tổng Công ty. Phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót về kế toán, báo cáo tài chính.

- Đánh giá hoạt động kinh doanh 3 quý đầu năm 2010 và kiến nghị với HĐQT Tổng Công ty một số giải pháp cần thiết.

- Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát:

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 (Họp cho tài khoá năm 2009) được tổ chức vào ngày 25/05/2010 đã phê chuẩn mức thù lao cho Hội đồng quản trị năm 2010 là: 276.000.000 đồng/năm (Chủ tịch HĐQT mức 60.000.000 đồng/năm, thành viên HĐQT mức 36.000.000 đồng/năm), thù lao cho Ban kiểm soát năm 2010 là: 84.000.000 đồng (Trưởng BKS mức 36.000.000 đồng/năm, thành viên BKS mức 24.000.000 đồng/năm).

- Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát tại ngày chốt danh sách 14/03/2011 để tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011:

ST T	Họ tên	Chức vụ	SL CPSH thời điểm 14/03/2011
01	Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.000.000
02	Nguyễn Trọng Bình	Thành viên HĐQT kiêm Phó T.Giám đốc	154.800
03	Nguyễn Thành Đồng	Thành viên HĐQT kiêm Phó T.Giám đốc, đã nghỉ hưu	186.800
04	Phan Anh Quang	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	160.000
05	Nguyễn Đậu Thảo	Thành viên HĐQT	378.000
06	Phan Tất Trung	Thành viên HĐQT	42.000
07	Thái Văn Chấn	Thành viên HĐQT	218.000
08	Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc	50.000
09	Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc	119.700
10	Ngô Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc	50.000
11	Lê Thanh Nhã	Thành viên BKS	22.320
12	Đào Hữu Chuộng	Trưởng ban kiểm soát	28.320

2- Những dữ liệu thống kê về cổ đông/ thành viên góp vốn:

Thời điểm chốt danh sách để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 (ngày 14/03/2011).

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ CP năm giữ
I	Tổng số cổ đông Trong đó:	8.163	62.742.141	98,46
1	Cổ đông trong nước Trong đó:	8.031	61.918.165	97,17
1.1	Cổ đông là cá nhân	7.985	41.258.086	64,75
1.2	Cổ đông là tổ chức	46	20.660.079	32,42
2	Cổ đông nước ngoài Trong đó:	132	823.976	1,29
2.1	Cổ đông là cá nhân	122	446.722	0,70

